

CÔNG KHAI, MINH BẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA BỘ MÁY NHÀ NƯỚC TRONG VIỆC BẢO ĐẢM QUYỀN ĐƯỢC THÔNG TIN CỦA CÔNG DÂN Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

*Nguyễn Tuấn Khanh**

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Hiến pháp năm 1992 đã chính thức ghi nhận quyền được thông tin là một trong những quyền cơ bản của công dân: "*Công dân có quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí; có quyền được thông tin theo quy định của pháp luật*"¹. Để công dân có thể thực hiện quyền cơ bản này, Nhà nước đã ban hành nhiều văn bản quy phạm pháp luật quy định nghĩa vụ của các cơ quan nhà nước trong việc công khai, minh bạch các hoạt động của mình.

Chủ trương xây dựng và hoàn thiện pháp luật về bảo đảm quyền con người, quyền tự do, dân chủ của công dân tiếp tục được Đảng Cộng sản Việt Nam khẳng định tại Nghị quyết số 48-NQ/TW ngày 24/5/2005 của Bộ Chính trị về Chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020. Tháng 8/2006 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá X đã ban hành Nghị quyết số 04-NQ/TU về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí và đặt ra yêu cầu: "*Nghiên cứu ban hành Luật Bảo đảm quyền được thông tin của công dân*".

Đứng trước yêu cầu xây dựng Luật Bảo đảm quyền được thông tin của công dân, việc nghiên cứu nghĩa vụ và thực trạng thực hiện nghĩa vụ của nhà nước trong việc công khai, minh bạch hoạt động của mình nhằm bảo đảm quyền được thông tin của công dân hiện nay là rất cần thiết, góp phần xây dựng,

hoàn thiện cơ chế đảm bảo quyền được thông tin của công dân trong thời gian tới.

II. CÔNG KHAI, MINH BẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA BỘ MÁY NHÀ NƯỚC TRONG VIỆC BẢO ĐẢM QUYỀN ĐƯỢC THÔNG TIN CỦA CÔNG DÂN

1. Quyền được thông tin của công dân về hoạt động của bộ máy nhà nước và các biện pháp bảo đảm từ phía Nhà nước

Quyền được thông tin là một trong những quyền cơ bản của con người. Tuyên ngôn Thế giới về Quyền con người ghi nhận: "Mọi người đều có quyền tự do ngôn luận và bày tỏ quan điểm; kể cả tự do bảo lưu ý kiến không phụ thuộc vào bất cứ sự can thiệp nào, cũng như tự do tìm kiếm, thu nhận, truyền bá thông tin và ý kiến bằng bất cứ phương tiện thông tin đại chúng nào và không giới hạn về biên giới"². Công ước Quốc tế về các Quyền dân sự và Chính trị một lần nữa khẳng định: "Mọi người đều có quyền tự do phát biểu quan điểm bao gồm quyền tự do tìm kiếm, tiếp nhận, và phổ biến mọi tin tức và ý kiến bằng truyền khẩu, bút tự hay ấn phẩm, dưới hình thức nghệ thuật, hay bằng mọi phương tiện truyền thông khác, không kể biên giới quốc gia... Quyền này chỉ có thể bị giới hạn bởi pháp luật vì nhu cầu tôn trọng những quyền tự do, thanh danh của người khác và bảo vệ an ninh quốc gia, trật tự công cộng, sức khỏe công cộng hay đạo lý"³. Với cách tiếp cận này, con người có quyền được thông tin về mọi lĩnh vực, trong đó có quyền được

* Ths. Luật học, Viện Khoa học Thanh tra - Thanh tra Chính phủ

¹ Điều 69 Hiến pháp 1992.

² Điều 19 Tuyên ngôn Thế giới về Quyền con người của Liên hợp quốc năm 1948.

³ Điều 19 Công ước Quốc tế về các Quyền dân sự và chính trị của Liên hợp quốc năm 1966.

thông tin về hoạt động của bộ máy nhà nước và chỉ bị hạn chế trong một số trường hợp.

Quyền được thông tin của công dân còn được gọi với những tên gọi khác nhau như: quyền tiếp cận thông tin công dân, quyền được biết của công dân... Quyền này gồm ba yếu tố hợp thành (ba quyền cấu thành) cơ bản là: quyền tiếp nhận thông tin, quyền tìm kiếm thông tin và quyền phổ biến, chia sẻ thông tin. Việc thực hiện quyền này gắn liền với khả năng và điều kiện tìm kiếm, tiếp nhận, sử dụng và truyền bá thông tin.

Trong nhà nước dân chủ, chỉ khi tiếp cận thông tin về hoạt động của bộ máy nhà nước một cách công khai, trung thực thì người dân mới có thể tham gia vào quản lý xã hội và thực hiện quyền làm chủ thực sự của mình. Với bản chất là nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân, Nhà nước ta luôn mở rộng dân chủ, tổ chức tốt các điều kiện để nhân dân tham gia ngày càng sâu rộng hơn vào quản lý xã hội theo phương châm "dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra". Vấn đề "dân biết" là cơ sở đầu tiên để người dân thực hiện quyền làm chủ của mình, gắn liền với quyền được thông tin của công dân.

Khi thừa nhận công dân có quyền được thông tin về hoạt động của bộ máy nhà nước thì tương ứng với nó Nhà nước phải có nghĩa vụ bảo đảm cho công dân thực hiện được quyền này, đó là nghĩa vụ công khai, minh bạch hoạt động của mình.

Công khai, minh bạch hoạt động của bộ máy nhà nước được thể hiện thông qua việc công khai, minh bạch chính sách, pháp luật và tổ chức thực hiện chính sách, pháp luật do nhà nước ban hành. Các cơ quan nhà nước ở tất cả các cấp đều phải công khai, minh bạch hoạt động của mình, trừ những nội dung thuộc bí mật nhà nước và những nội dung khác theo quy định của pháp luật.

Nghĩa vụ công khai, minh bạch của Nhà nước còn gắn liền với việc tạo điều kiện thuận lợi để công dân tiếp cận các thông tin về hoạt động của bộ máy nhà nước một cách

đễ dàng. Nếu như công khai, minh bạch hoạt động của bộ máy nhà nước là vấn đề mang tính nội dung thì việc tạo điều kiện thuận lợi cho người dân tiếp cận thông tin là biểu hiện cụ thể của nội dung đó trên thực tế. Điều này đòi hỏi các cơ quan nhà nước hoạt động trên cả ba lĩnh vực lập pháp, hành pháp và tư pháp phải cải tiến các phương thức tổ chức thông tin của mình và thực hiện nghĩa vụ công khai, minh bạch một cách có thiện chí, bảo đảm cho các nhóm đối tượng khác nhau được bình đẳng và thuận tiện trong việc tiếp cận thông tin.

2. Các phương thức thực hiện nghĩa vụ công khai, minh bạch của các cơ quan nhà nước

Thời gian gần đây, nhiều văn bản quy phạm pháp luật đã quy định bảo đảm cho công dân thực hiện quyền được thông tin về hoạt động của bộ máy nhà nước đã được ban hành, ví dụ: Luật Báo chí năm 1989 (sửa đổi, bổ sung năm 1999), Nghị định số 29/1998/NĐ-CP ngày 11/5/1998 và Nghị định 79/2003/NĐ-CP ngày 07/07/2003 của Chính phủ về việc ban hành Quy chế thực hiện dân chủ ở xã, Phường, thị trấn năm 2007, Quyết định số 181/2003/QĐ-TTg ngày 4/9/2003 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế thực hiện cơ chế "một cửa" tại các cơ quan hành chính nhà nước ở địa phương, Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 1996 (sửa đổi, bổ sung năm 2002); Luật Xuất bản năm 2004; Luật Kiểm toán năm 2005; Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2005; Luật Thực hành tiết kiệm và chống lãng phí năm 2005, Luật Nhà ở năm 2005...

Các văn bản quy phạm pháp luật trên đây đều có quy định về những nội dung thông tin mà người dân được tiếp cận ở các mức độ khác nhau cũng như trình tự, thủ tục, nghĩa vụ của các cơ quan nhà nước trong việc công khai, minh bạch các hoạt động của mình. Ví dụ, Luật Phòng, chống tham nhũng đã quy định một mục riêng (Mục I, Chương

II) với 23 điều (từ Điều 11 đến Điều 33) về việc công khai, minh bạch trong hoạt động của các cơ quan nhà nước trên nhiều lĩnh vực, trong đó quy định 7 hình thức công khai: công bố tại cuộc họp của cơ quan, tổ chức, đơn vị; niêm yết tại trụ sở làm việc của cơ quan, tổ chức, đơn vị; thông báo bằng văn bản đến cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan; phát hành ấn phẩm; thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng; đưa lên trang thông tin điện tử; cung cấp thông tin theo yêu cầu của cơ quan, tổ chức, cá nhân⁴.

Trong quan hệ quốc tế, Việt Nam đã cam kết tạo điều kiện để người dân tiếp cận thông tin từ các cơ quan nhà nước và khẳng định nghĩa vụ công khai, minh bạch của Nhà nước. Hiệp định Thương mại Việt Nam – Hoa Kỳ đã được Quốc hội Việt Nam Khoá X phê chuẩn tại kỳ họp thứ 10 ngày 28/11/2001 quy định: “Mỗi bên công bố định kỳ và kịp thời tất cả các luật, quy định và thủ tục hành chính có tính áp dụng chung, liên quan đến bất kỳ lĩnh vực nào được quy định trong Hiệp định này”⁵. Kết quả đàm phán gia nhập tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) Việt Nam có cam kết về thực hiện minh bạch hóa với nội dung: “Ngay từ khi gia nhập sẽ công bố dự thảo của các văn bản quy phạm pháp luật do Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Chính phủ ban hành để lấy ý kiến nhân dân. Thời hạn dành cho việc góp ý tối thiểu là 60 ngày. Ta cũng cam kết sẽ đăng công khai các văn bản pháp luật trên các tạp chí hoặc trang tin điện tử (websites) của các Bộ, ngành”⁶.

Mặc dù những hình thức công khai thể hiện trong các văn bản trên được quy định

khác nhau nhưng xét về bản chất thì nghĩa vụ công khai, minh bạch của cơ quan nhà nước chỉ được thực hiện qua hai phương thức:

Thứ nhất, các cơ quan nhà nước chủ động công khai, minh bạch các thông tin trong hoạt động của mình bằng cách công bố tại cuộc họp, niêm yết tại trụ sở làm việc, thông báo bằng văn bản đến các chủ thể có liên quan, phát hành ấn phẩm, thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng, đưa lên trang thông tin điện tử...

Thứ hai, cơ quan nhà nước cung cấp thông tin khi có yêu cầu của cá nhân, cơ quan, tổ chức có liên quan.

Mỗi phương thức trên đây phù hợp với từng nội dung công khai, minh bạch khác nhau. Đánh giá việc thực hiện nghĩa vụ công khai, minh bạch của các cơ quan nhà nước theo hai phương thức này sẽ góp phần tổng kết thực tiễn và đưa ra giải pháp để hoàn thiện cơ chế đảm bảo quyền được thông tin của công dân về hoạt động của bộ máy nhà nước.

3. Thực trạng thực hiện nghĩa vụ công khai, minh bạch hoạt động của các cơ quan nhà nước hiện nay

a. Thực trạng thực hiện nghĩa vụ chủ động công khai, minh bạch hoạt động của cơ quan nhà nước

Việc chủ động công khai, minh bạch hoạt động của bộ máy nhà nước trên nhiều lĩnh vực đã được pháp luật quy định và phát huy được hiệu quả trên thực tế, tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được cũng còn không ít tồn tại, hạn chế cần phải khắc phục. Có thể nhìn nhận việc chủ động công khai, minh bạch hoạt động của bộ máy nhà nước trên một số lĩnh vực chủ yếu sau:

Thứ nhất, công khai, minh bạch trong hoạch định chính sách và xây dựng pháp luật.

Công khai, minh bạch trong hoạt động hoạch định chính sách, xây dựng pháp luật

⁴ Điều 12 Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2005.

⁵ Điều 1 Chương VI Hiệp định Thương mại Việt Nam – Hoa Kỳ

⁶ Bộ Thương mại: Báo cáo tóm tắt kết quả đàm phán gia nhập tổ chức Thương mại thế giới và phê chuẩn Nghị định thư gia nhập Tổ chức Thương mại thế giới (ngày 24/11/2006).

không chỉ là đưa nội dung của các dự thảo luật, pháp lệnh, nghị định, thông tư... đến với người dân mà nó còn đòi hỏi phải công khai, minh bạch cả việc tiếp thu ý kiến phản biện, góp ý từ phía xã hội.

Việc chủ động công khai, minh bạch các hoạt động hoạch định chính sách, xây dựng pháp luật trong thời gian qua đã khuyến khích sự tham gia của người dân. Để lấy ý kiến rộng rãi của nhân dân, nhiều báo, tạp chí đã đăng dự thảo văn bản quy phạm pháp luật và xây dựng các diễn đàn để công dân tham gia đóng góp ý kiến. Quốc hội, Chính phủ, nhiều bộ, ngành và tổ chức đã mở chuyên mục, diễn đàn để công dân, tổ chức, doanh nghiệp đóng góp ý kiến trên trang thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị mình. Nhiều phiên họp của Quốc hội khi thảo luận về việc hoạch định chính sách, xây dựng pháp luật cũng đã được truyền hình trực tiếp đến với người dân. Việc phát hành công báo của Chính phủ đã đi vào nề nếp, đáp ứng được yêu cầu thực tế trong việc công bố các văn bản quy phạm pháp luật đã được ban hành theo quy định của Luật Ban hành văn bản pháp luật cũng như các cam kết quốc tế mà Việt Nam ký kết.

Nếu như việc chủ động công khai, minh bạch nội dung dự thảo và nội dung các văn bản quy phạm pháp luật đã ban hành được thực hiện khá tốt thì vấn đề công khai, minh bạch trong hoạt động tiếp thu ý kiến đóng góp của nhân dân vào việc xây dựng chính sách, pháp luật còn rất nhiều bất cập, không rõ ràng về cơ chế tiếp nhận, phân loại ý kiến góp ý, trách nhiệm giải trình, phản hồi của các cơ quan chủ trì xây dựng chính sách, pháp luật.

Thứ hai, công khai, minh bạch trong lĩnh vực quản lý nhà nước.

Quản lý nhà nước là lĩnh vực rất rộng liên quan đến hoạt động nội bộ của các cơ quan nhà nước mà quan trọng hơn và liên quan trực tiếp đến việc giải quyết các yêu cầu cụ thể của công dân.

Trong quan hệ nội bộ, nhiều cơ quan, tổ chức đơn vị đã chủ động công khai, minh bạch các thông tin liên quan đến tổ chức bộ máy, công tác cán bộ, kết quả hoạt động của mình theo các hình thức công khai đã được quy định. Nhiều cơ quan còn công khai các nội dung thông tin đó trên phương tiện thông tin đại chúng và trang thông tin điện tử để cán bộ, công chức, nhân dân có thể giám sát.

Trong giải quyết công việc của công dân, cơ chế “một cửa” tại các cơ quan hành chính nhà nước ở địa phương đã tạo thuận lợi cho công dân, tổ chức, doanh nghiệp khi tham gia giao dịch với cơ quan nhà nước vì các thông tin về thủ tục hành chính, thời gian giải quyết, phí, lệ phí trong một số lĩnh vực bắt buộc phải được niêm yết công khai tại trụ sở làm việc của cơ quan hành chính. Nhiều cơ quan còn chủ động công bố công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng hoặc trang thông tin điện tử. Qua 3 năm thực hiện, cơ quan hành chính nhà nước các cấp ở địa phương đã giải quyết cơ bản những yêu cầu của dân và doanh nghiệp trong các lĩnh vực đăng ký kinh doanh, cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất, cấp giấy phép xây dựng, các quyết định về đầu tư, các lĩnh vực về đăng ký hộ khẩu, hộ tịch, chính sách xã hội v.v. Thời gian được rút ngắn, chất lượng và giải quyết công việc được nâng lên, người dân chỉ cần đến một nơi, với thời gian nhất định để được giải quyết công việc đúng nguyện vọng, không phải đi lại nhiều lần⁷.

Ở cơ sở, hoạt động chính quyền được công khai thông qua việc thực hiện các quy định về dân chủ theo Quy chế Thực hiện dân chủ ở xã được ban hành theo Nghị định số 29/1998/NĐ-CP ngày 11/5/1998 (sau đó là Nghị định số 79/2003/NĐ-CP ngày

⁷ Báo cáo số 3649/BC-BNV ngày 04/10/2006 của Bộ Nội vụ sơ kết 3 năm thực hiện cơ chế “một cửa” theo Quyết định số 181/2003/QĐ-TTg ngày 04/9/2003 của Thủ tướng Chính phủ.

07/7/2003 Chính phủ) và Pháp lệnh Thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn năm 2007. Việc thực hiện Quy chế dân chủ ở xã và Pháp lệnh Thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn đòi hỏi chính quyền địa phương phải công khai nhiều nội dung để nhân dân biết, nhân dân bàn, nhân dân quyết định và nhân dân giám sát cũng như công khai những nội dung để nhân dân tham gia ý kiến trước khi cơ quan có thẩm quyền quyết định.

Bên cạnh những kết quả đạt được, việc thực hiện công khai, minh bạch trong lĩnh vực quản lý nhà nước cũng còn nhiều tồn tại, hạn chế, nhiều nơi còn mang tính hình thức, có cơ quan công khai các thủ tục hành chính, phí và lệ phí nhưng không thực hiện theo đúng quy trình đã công khai, tình trạng chậm trễ trong giải quyết công việc của người dân vẫn phổ biến. Có nhiều nguyên nhân dẫn đến tình trạng này, trong đó có nguyên nhân do thiếu cơ chế xử lý vi phạm trong trường hợp các chủ thể không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ công khai, minh bạch theo quy định của pháp luật.

Thứ ba, công khai, minh bạch trong lĩnh vực tư pháp.

Các quy định pháp luật về tố tụng và thi hành án như quy định về quy trình thụ lý và giải quyết các vụ án, quy định việc cung cấp thông tin cho các đương sự trong vụ kiện dân sự, quy định công khai, minh bạch trong quá trình tranh tụng, quy định cho phép luật sư được tiếp cận với vụ án cũng như sao chụp các tài liệu phục vụ cho hoạt động nghề nghiệp... đã thể hiện nghĩa vụ công khai, minh bạch hoạt động tư pháp trong thời gian qua. Ngoài ra, Tòa án nhân dân tối cao đã công bố hai tập quyết định giám đốc thẩm của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về Hình sự, Hành chính, Dân sự, Kinh doanh, Thương mại, Lao động (năm 2004), tạo cơ sở ban đầu để có thể xây dựng, công khai hệ thống dữ liệu về án lệ ở Việt Nam.

Hạn chế lớn nhất trong công khai, minh bạch hoạt động trong lĩnh vực tư pháp hiện nay là các cơ quan tư pháp chưa chủ động niêm yết, công bố công khai, rộng rãi thủ tục, trình tự trong hoạt động tư pháp nên người dân khó khăn khi yêu cầu cơ quan tư pháp bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

b. Thực trạng công khai hoạt động của các cơ quan nhà nước theo yêu cầu của công dân

Cơ chế công khai hoạt động của cơ quan nhà nước theo yêu cầu của cơ quan, tổ chức, cá nhân được chính thức ghi nhận tại Luật Báo chí năm 1989. Theo đó, việc cung cấp thông tin cho báo chí vừa là quyền, vừa là nghĩa vụ của các cơ quan và công chức nhà nước. Người đứng đầu cơ quan báo chí có quyền yêu cầu các tổ chức, người có chức vụ trả lời vấn đề mà công dân nêu ra trên báo chí; các tổ chức, người có chức vụ có trách nhiệm trả lời trên báo chí*. Các cơ quan nhà nước không được từ chối cung cấp cho nhà báo những tư liệu, tài liệu không thuộc phạm vi quy định trong Pháp lệnh Bảo vệ bí mật nhà nước².

Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2005 đã quy định khá hệ thống và hoàn thiện thêm một bước nghĩa vụ công khai, minh bạch của các cơ quan nhà nước theo yêu cầu của công dân. Nếu như Luật Báo chí chỉ quy định "Người đứng đầu cơ quan báo chí có quyền yêu cầu các tổ chức, người có chức vụ trả lời vấn đề mà công dân nêu ra trên báo chí" thì Luật Phòng, chống tham nhũng đã quy định mở rộng hơn đó là trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, các cơ quan báo chí có quyền yêu

* Điều 8 Luật Báo chí năm 1989

² Điều 8 Nghị định số 51/2002/NĐ-CP ngày 26/4/2002 của Chính phủ quy định chi tiết việc thi hành Luật Báo chí, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Báo chí.

câu cơ quan có trách nhiệm cung cấp thông tin về hoạt động của cơ quan mình. Cán bộ, công chức, viên chức và người lao động khác có quyền yêu cầu người đứng đầu cơ quan nhà nước nơi mình làm việc cung cấp thông tin về hoạt động của cơ quan đó. Công dân có quyền yêu cầu Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi mình cư trú cung cấp thông tin về hoạt động của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn đó¹⁰.

Để ràng buộc trách nhiệm cung cấp thông tin của các cơ quan nhà nước theo yêu cầu của các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan. Nghị định 120/2006/NĐ-CP hướng dẫn thi hành Luật Phòng, chống tham nhũng quy định: Trong trường hợp cơ quan, tổ chức, cá nhân yêu cầu cung cấp thông tin có căn cứ cho rằng việc cung cấp thông tin là chưa đầy đủ hoặc trái pháp luật thì có quyền khiếu nại. Việc khiếu nại và giải quyết khiếu nại về quyền yêu cầu cung cấp thông tin được thực hiện theo quy định của pháp luật về khiếu nại. Đồng thời, người được yêu cầu cung cấp thông tin mà không thực hiện đúng nghĩa vụ về cung cấp thông tin thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật¹¹.

Nghĩa vụ công khai, minh bạch các hoạt động của cơ quan nhà nước theo yêu cầu của công dân thường liên quan trực tiếp đến quyền lợi của người dân gắn với những công việc cụ thể, nếu thiếu các thông tin từ cơ quan nhà nước, người dân có thể mất khả năng thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình. Mặc dù có ý nghĩa quan trọng như vậy nhưng việc thực hiện công khai, minh bạch các hoạt động của cơ quan nhà nước theo yêu cầu của công dân đang có rất nhiều hạn chế, gây ra sự chậm trễ, làm ảnh hưởng đến

quyền lợi của công dân. Cụ thể là, mặc dù Luật Báo chí và Luật Phòng, chống tham nhũng đã quy định nghĩa vụ của các cơ quan nhà nước phải cung cấp thông tin theo yêu cầu của cơ quan, tổ chức, đơn vị và của công dân nhưng tình trạng cơ quan nhà nước không trả lời bằng văn bản hoặc từ chối cung cấp mà không có lý do chính đáng vẫn còn phổ biến và chưa có biện pháp xử lý. Tình trạng này dẫn đến trong nhiều vụ việc người dân và chính quyền không tìm được tiếng nói chung, người dân buộc phải khiếu kiện vượt cấp, thậm chí gây mất trật tự xã hội.

Nguyên nhân chính dẫn đến tình trạng này là đa số các quy định pháp luật về công khai, minh bạch các hoạt động của cơ quan nhà nước theo yêu cầu của công dân mới chỉ dừng lại ở mức độ có tính chất nguyên tắc, thiếu cụ thể nên cơ quan nhà nước có thể trốn tránh nghĩa vụ của mình mà không bị xử lý.

III. MỘT SỐ GIẢI PHÁP, KIẾN NGHỊ

Từ thực trạng thực hiện nghĩa vụ công khai hoạt động của các cơ quan nhà nước như đã nêu trên, để hoàn thiện chính sách, pháp luật bảo đảm quyền được thông tin của công dân, Nhà nước cần tập trung vào một số giải pháp sau:

Thứ nhất, xác định rõ danh mục bí mật nhà nước.

Ở bất kỳ quốc gia nào, việc công khai, minh bạch hoạt động của các cơ quan nhà nước cũng đều có giới hạn. Giới hạn phạm vi tiếp cận thông tin của công dân xuất phát từ các yêu cầu bảo đảm an ninh, quốc phòng, bí mật đời tư của cá nhân, bí mật kinh doanh của doanh nghiệp... Chính vì vậy, để thực hiện tốt nghĩa vụ công khai, minh bạch thì trước hết Nhà nước cần xác định giới hạn phạm vi tiếp cận thông tin của công dân. Cụ thể là, Nhà nước phải rà soát và hệ thống lại để từ đó xác định rõ danh mục bí mật nhà nước theo nguyên tắc hạn chế tối đa việc viện dẫn các lý do không

¹⁰ Điều 31, Điều 32 Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2005.

¹¹ Điều 11 Nghị định 120/2006/NĐ-CP ngày 20/10/2006 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật phòng, chống tham nhũng

chính đáng để từ chối việc cung cấp thông tin đến cho người dân.

Thứ hai, tăng cường sự chủ động công khai, minh bạch của Nhà nước.

Việc chủ động công khai hoạt động của các cơ quan nhà nước đã được mở rộng hơn rất nhiều so với trước đây. Tuy nhiên, từ thực trạng như đã phân tích, các quy định pháp luật để bảo đảm quyền được thông tin của công dân cần tiếp tục được hoàn thiện theo hướng mở rộng phạm vi công khai và quy định rõ nghĩa vụ chủ động công khai của các cơ quan nhà nước. Cụ thể là:

- Trong lĩnh vực hoạch định chính sách, xây dựng pháp luật: ban hành quy trình tiếp nhận, phân loại ý kiến của nhân dân, quy định trách nhiệm giải trình, phản hồi về những ý kiến đó. Để đảm bảo công khai, minh bạch và dân chủ trong việc tiếp thu những ý kiến đóng góp của công dân, hoạt động dân nguyện của Quốc hội cần được nâng cao theo hướng thành lập cơ quan Dân nguyện trực thuộc Quốc hội để cơ quan dân nguyện có đủ khả năng giám sát việc tiếp thu ý kiến, kiến nghị của nhân dân đối với Nhà nước nói chung và đối với hoạt động xây dựng chính sách, pháp luật nói riêng.

- Trong lĩnh vực quản lý nhà nước: tăng cường việc thực hiện nghĩa vụ chủ động công khai trên những lĩnh vực còn gây nhiều khó khăn, phiền hà cho người dân khi đến giao dịch với cơ quan nhà nước như lĩnh vực đất đai, giải phóng mặt bằng, chính sách xã hội, tiền và tài sản công, công tác cán bộ...

- Trong lĩnh vực tư pháp: quy định cụ thể về nội dung và hình thức công khai như niêm yết công khai trình tự, thủ tục tư pháp và công khai các bản án của tòa án các cấp.

Thứ ba, xây dựng hệ thống dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính, thủ tục tư pháp.

Hệ thống các thủ tục hành chính và thủ tục tư pháp hiện nay rất phức tạp, trên mỗi

lĩnh vực cụ thể lại có quy trình, thủ tục, thời hạn giải quyết cũng như phí, lệ phí khác nhau. Vì vậy, việc xây dựng hệ thống dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính và thủ tục tư pháp không chỉ giúp cho người dân dễ dàng tiếp cận khi giao dịch với các cơ quan nhà nước mà còn giúp các cơ quan nhà nước áp dụng thống nhất.

Thứ tư, quy định rõ nghĩa vụ cơ quan nhà nước trong việc cung cấp thông tin theo yêu cầu của công dân.

Để ràng buộc trách nhiệm của nhà nước trong việc công khai thông tin theo yêu cầu của công dân, cần quy định rõ đầu mối chịu trách nhiệm cung cấp thông tin của các cơ quan nhà nước; trình tự, thủ tục yêu cầu cung cấp thông tin của công dân; cơ chế giải quyết khiếu nại liên quan đến giải quyết yêu cầu cung cấp thông tin của công dân; cơ chế xử lý trách nhiệm đối với người có quyền yêu cầu cung cấp thông tin và người có nghĩa vụ cung cấp thông tin trong trường hợp không thực hiện đúng các quy định của pháp luật.

Thứ năm, ứng dụng công nghệ thông tin và phát triển hệ thống phương tiện thông tin đại chúng.

Để người dân dễ dàng tiếp cận thông tin về hoạt động của bộ máy nhà nước và khắc phục sự thiếu cân đối về thông tin giữa các vùng, miền và các nhóm đối tượng, Nhà nước cần đặc biệt chú trọng đến ứng dụng công nghệ thông tin và phát triển hệ thống các cơ quan báo chí, truyền thông, có chính sách hỗ trợ, thậm chí bao cấp toàn bộ cho một số cơ quan báo chí hoạt động công ích với mục đích thông tin công khai hoạt động của các cơ quan nhà nước đến vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo và các vùng khó khăn khác và phát triển loại hình báo chí phục vụ cho những người khiếm thị, khiếm thính.